

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Trung;

Ông Lê Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Việt H, sinh năm: 1996;

Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lương Kim V, sinh năm: 1992;

Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Việt H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Lương Kim V tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 03/9/2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, nguyên nhân là do chồng thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, không có trách nhiệm, không quan tâm tới vợ con, thường hay xúc phạm vợ và gia đình vợ, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ lúc nộp đơn ly hôn đến nay, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm tới cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 01 con chung tên Lương Phúc V, sinh ngày 22/3/2021, hiện nay con đang sống với mẹ, mẹ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn Lương Kim V trình bày: Bị đơn có thời gian tìm hiểu khoảng 06-07 năm sau đó kết hôn với nguyên đơn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật như nguyên đơn trình bày. Quá trình sống chung, có lời qua tiếng lại, nhưng là mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình, chưa đến mức phải ly hôn. Do vậy, bị đơn không đồng ý ly hôn; Do không đồng ý ly hôn, nên bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên ý kiến xin được hòa giải, không đồng ý ly hôn.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn; về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Việt H yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lương Kim V có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, không hòa giải được. Tại phiên tòa hoãn ngày 09/5/2022, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Đến ngày 23/5/2022 các đương sự có mặt đầy đủ, do vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Việt H và bị đơn Lương Kim V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2019 tại UBND xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận số 62/2019, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Việt H yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lương Kim V vì cho rằng sau khi kết hôn, hai bên sống với nhau không có hạnh phúc, chồng vô tâm, thường xuyên đi ăn nhậu, không lo làm ăn, về nhà xúc phạm vợ và gia đình vợ dẫn đến cãi nhau, mất lòng tin, từ lúc nộp đơn ly hôn ngày 27/01/2022 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân.

Bị đơn Lương Kim V cho rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do mẹ vợ nhiều lần nhờ vợ đi vay, mượn để dùng việc cá nhân. Nguyên đơn cố tình giấu giếm không cho bị đơn biết nên mới xảy ra cãi nhau, trong lúc tức giận bị đơn có lời lẽ không hay, bị đơn xin khắc phục và mong muốn nguyên đơn tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn. Bị đơn cung cấp thông tin vào ngày 30/4-01/5/2022 có đến nơi ở trọ của nguyên đơn đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh thì hai vợ chồng vẫn đi chơi chung, ăn chung, ở chung với nhau, không xảy ra mâu thuẫn gì. Trong thời gian nguyên đơn nộp đơn ly hôn, bị đơn đi làm thuê vẫn gửi tiền để nuôi con chung, vẫn tác động để cha, mẹ lên thăm nom cháu nội. Bị đơn xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tha thiết xin HĐXX cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc.

Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận các nội dung như bị đơn trình bày, nhưng cho rằng việc sống chung với nhau do tình nghĩa vợ chồng chứ không phải vì còn tình cảm và cũng mong muốn từ việc vợ chồng gặp gỡ để cho bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Xét các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, HĐXX thấy rằng căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh V chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, có khả năng đoàn tụ để nuôi dạy con và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Do đó, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nên vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản sản chung HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Việt H xin được ly hôn với bị đơn Lương Kim V.
2. Về con chung và tài sản chung: Do bác yêu cầu ly hôn nên HĐXX không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Việt H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004320 ngày 21/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.
4. Quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Thu Hiền